

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TẠI VIỆT NAM, CƠ HỘI CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIẾP CẬN VỐN HIỆU QUẢ

INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0 IN VIETNAM, OPPORTUNITIES FOR SMALL AND MEDIUM BUSINESS ACCESS TO CAPITAL EFFECTIVELY

Đoàn Phương Ngân

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 11/02/2022, chấp nhận đăng ngày 15/03/2022

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đã đưa các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam vào một cuộc cạnh tranh lớn mang tên Cách mạng công nghiệp 4.0. Cách mạng công nghiệp 4.0 được coi là đòn bẩy hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực tài chính và quan trọng hơn là mở ra nhiều kênh tiếp cận vốn khác nhau trên nền tảng công nghệ số như tài trợ chuỗi cung ứng, cho vay hoặc huy động vốn từ cộng đồng. Mặc dù các kênh huy động vốn phi truyền thống dựa trên công nghệ mang lại nhiều tiện ích cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các tổ chức tài chính, nhưng tại Việt Nam, các kênh huy động này chưa phát triển, chưa có khung pháp lý và chính sách rõ ràng khiến doanh nghiệp còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi tiếp cận nguồn vốn từ các nền tảng trực tuyến. Bên cạnh đó bản thân các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thực sự sẵn sàng tiếp cận và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong hoạt động kinh doanh của họ.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0, doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn.

Abstract: In recent years, along with the rapid development of technology, small and medium-sized enterprises in Vietnam have entered a big competition called the industrial revolution 4.0. Industry 4.0 is considered a lever to help small and medium-sized enterprises improve their financial capacity and, more importantly, open up many different channels to access capital on a digital technology platform such as supply chain financing, lending or crowdfunding. Although technology-based non-traditional capital mobilization channels bring many benefits to small and medium-sized enterprises as well as financial institutions, in Vietnam, these mobilization channels have not been developed, there is no framework yet. Legal and clear policies make businesses potentially risky when accessing capital from online platforms. Besides, small and medium enterprises themselves are not really ready to approach and strongly apply technology in their business activities.

Keywords: Industrial Revolution 4.0, small and medium enterprises, capital.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là loại hình doanh nghiệp chiếm đa số và chủ yếu trong nền kinh tế. Theo đó, loại hình doanh nghiệp này đóng vai trò quan trọng, nhất là tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao

động, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, xóa đói giảm nghèo. Cụ thể, về lao động, hàng năm tạo thêm trên nửa triệu lao động mới; sử dụng tới 51% lao động xã hội và đóng góp hơn 40% GDP.

Trong những năm qua Chính phủ đã triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ vốn cho

các DNNVV như bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tín dụng. Tuy nhiên, trên thực tế mới có một số lượng nhỏ các doanh nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Phần lớn các doanh nghiệp còn lại gặp các trở ngại trong việc tiếp cận nguồn vốn.

Chính vì thế cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN 4.0) mở ra đã góp phần thay đổi những mô hình kinh doanh truyền thống của các định chế tài chính, mở rộng và đa dạng hoá các kênh tạo vốn cho nền kinh tế nói chung và DNNVV nói riêng. Đồng thời, việc sử dụng dữ liệu lớn, công nghệ hiện đại có thể tăng chất lượng phân tích tín dụng của các ngân hàng. Đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính giúp cải thiện khả năng thanh khoản và vốn lưu động, cho phép doanh nghiệp dễ dàng vượt qua những biến động trong giai đoạn đầu phát triển, tiếp cận được các nguồn vốn phù hợp trên thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh tốt hơn.

2. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP 4.0

Theo kết quả khảo sát (được thực hiện bởi Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ) cho thấy: có đến 85% doanh nghiệp thể hiện sự quan tâm đến cuộc CMCN 4.0, trong đó, có 55% doanh nghiệp đánh giá cuộc CMCN 4.0 sẽ có tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, trong số doanh nghiệp được khảo sát: có đến 79% cho biết họ chưa làm gì để đón sóng cuộc CMCN 4.0. Điều này nói lên rằng, còn một bộ phận không nhỏ các DNNVV chưa ý thức được, hoặc chưa quan tâm đến sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, vì thế loại hình doanh nghiệp này chưa có bước chuẩn bị hữu ích để ứng phó với xu hướng biến đổi trên toàn cầu như hiện nay.

Nhìn chung các DNNVV ở Việt Nam hiện nay bị hạn chế bởi nguồn vốn, tài nguyên, đất đai và công nghệ. Hiện nay ở nước ta có khoảng

97% DNNVV với quy mô vốn chỉ từ 5-10 tỷ đồng, cùng với việc tiếp cận vốn vay từ ngân hàng rất khó khăn (chỉ khoảng 70% DNNVV tiếp cận được vốn vay) nên nhiều doanh nghiệp muốn đầu tư để đổi mới doanh nghiệp cũng khó hoặc chỉ ở mức thấp. Bên cạnh đó, đa số DNNVV ở Việt Nam hiện nay đang sử dụng công nghệ lạc hậu, chưa đổi mới tư duy. Chính vì thế đã tạo ra khoảng cách phát triển giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thậm chí khoảng cách này sẽ càng ngày càng xa hơn nếu các doanh nghiệp không có vốn để đổi mới, theo kịp với tốc độ phát triển của khoa học công nghệ.

CMCN 4.0 được cho là không chỉ có tác động trực tiếp đến việc áp dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn của DNNVV thông qua việc làm thay đổi cách thức cung ứng vốn của các định chế tài chính trên thị trường, đồng thời giảm nhẹ các rào cản huy động vốn cho DNNVV. Cụ thể như:

Mở rộng các kênh huy động vốn trực tuyến cho DNNVV

- Công nghệ tài chính (Fintech) và nền tảng cho vay trực tuyến.

Bên cạnh các kênh tín dụng ngân hàng truyền thống, sự phát triển của CMCN 4.0 đã thúc đẩy hình thành kênh tín dụng mới dựa trên nền tảng trực tuyến cho phép DNNVV dễ dàng tiếp cận nguồn tín dụng mà không cần có tài sản đảm bảo. Mô hình cho vay trực tuyến giảm thiểu rủi ro hệ thống và cung cấp sự lựa chọn đa dạng cho các bên tham gia. Sự bùng nổ của Fintech cho thấy mức độ tăng trưởng nhanh chóng của các ứng dụng trực tuyến trong hoạt động cấp vốn và khiến kênh cho vay trực tuyến trở thành kênh cung cấp vốn quan trọng, góp phần thu hẹp khoảng cách với các kênh tài trợ tín dụng truyền thống đối với DNNVV.

Các nền tảng vốn tài chính trực tuyến phổ biến hiện nay dành cho các DNNVV có thể kể tới: tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), huy động vốn cộng đồng (Crowdfunding) và cho vay ngang hàng (P2P lending), cụ thể:

- Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF).

SCF là cách tiếp cận mới về hỗ trợ tài chính. SCF là sự hợp tác với những khách hàng DN và định chế tài chính được chọn lọc bằng việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ vốn vay lưu động cho các nhà cung cấp và phân phối của họ. Sử dụng nền tảng trực tuyến giúp cho giao dịch các khoản phải thu, phải trả giữa các tổ chức tài chính và các DNNVV diễn ra nhanh chóng thông qua tài khoản ngân hàng.

- Huy động vốn cộng đồng (Crowdfunding).

Huy động vốn cộng đồng là hình thức huy động vốn từ những người dùng internet tài trợ cho các ý tưởng kinh doanh hoặc sáng kiến cá nhân được những người đề xuất đăng tải trên trang cá nhân hoặc trên các trang web chuyên dụng.

- Cho vay ngang hàng (P2P lending)

Cho vay ngang hàng là một nền tảng tài chính kết nối trực tiếp giữa người cho vay và người đi vay thông qua trung gian trực tuyến mà không cần tổ chức tài chính

- Cho vay trực tuyến từ các công ty công nghệ lớn (Bigtech).

BigTech là cách gọi các công ty công nghệ đã tồn tại lâu đời trên thị trường dịch vụ kỹ thuật số như Amazon, Facebook, Google, Alibaba. Với lợi thế về quy mô lớn, khả năng ứng dụng công nghệ cao, BigTech đặt ra những thách thức vượt trội hơn so với FinTech. Nếu các Fintech chỉ cạnh tranh với ngân hàng tại một mảng dịch vụ (ví dụ như cho vay). Đặc trưng của các Bigtech là xuất phát điểm từ các công ty thương mại điện tử kinh doanh hàng hóa

trực tuyến (Stulz, 2019). Thông qua các giao dịch của người mua và bán, các Bigtech có một nền tảng dữ liệu khổng lồ có thể phân tích cung cầu hàng hóa cũng như khả năng tài chính của mỗi khách hàng, giúp đánh giá chính xác điểm tín dụng cho khách hàng. Tuy nhiên, Bigtech cũng tiềm ẩn rủi ro như độ tin cậy của các phương pháp đánh giá rủi ro tín dụng với quy mô mẫu lớn hay rủi ro về chu kỳ kinh doanh hoặc các cú sốc kinh tế khác nhau. (Huang, 2020).

Chi phí, thủ tục và các điều kiện cho vay đối với DNNVV

CMCN 4.0 không chỉ làm thay đổi đáng kể cách thức cung cấp nguồn vốn cho DNNVV của ngân hàng và các tổ chức tín dụng mà giảm thiểu rủi ro tín dụng thông qua quy trình xử lý và xác minh hồ sơ được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Đối với các DNNVV, nhờ sự hỗ trợ công nghệ cao tại các ngân hàng, cơ hội được cấp tín dụng trở nên dễ dàng hơn ngay cả đối với tài sản thế chấp là tài sản lưu động, được hưởng lợi lãi suất thấp hơn khi vay vốn từ các công ty Fintech (Baber, 2019). Hơn nữa, còn có thể cho phép các giao dịch xuyên biên giới với chi phí thấp hơn, cung cấp giải pháp thanh toán di động qua các nền tảng trực tuyến nhằm giảm chi phí đi lại

3. THỰC TRẠNG TIẾP CẬN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

3.1. Tiếp cận vốn từ các ngân hàng thương mại

Tính đến cuối năm 2021, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 bùng phát, số lượng DNNVV có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm năm 2020 (Đoàn Thị Thu Trang, 2021).

Có thể thấy trong năm 2021 các ngành vui chơi giải trí, dịch vụ, kinh doanh bất động sản đều có sự thu hẹp quy mô từ 10% đến 30%, các khối ngành khoa học công nghệ, quảng

cáo, tư vấn, khai khoáng có sự gia tăng về quy mô điều này làm cho các DNNVV gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 1. Tỷ trọng DNNVV phân theo ngành năm 2021 so với năm 2020

| Ngành | So với năm 2020 |
|-------------------------------|-----------------|
| Nghệ thuật, vui chơi giải trí | -32,6% |

| | |
|---------------------------------------|--------|
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | -20% |
| Dịch vụ việc làm, cho thuê máy móc | -18,7% |
| Kinh doanh BĐS | -13,4% |
| Giáo dục và đào tạo | -7,5% |
| Khoa học công nghệ, quảng cáo, tư vấn | +2,4% |
| Nông, lâm nghiệp, thủy sản | +34% |
| Khai khoáng | +5,8% |
| Xây dựng | +0,8% |

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh 2021

Bảng 2. Tỷ trọng DNNVV theo quy mô vốn năm 2021 so với năm 2020

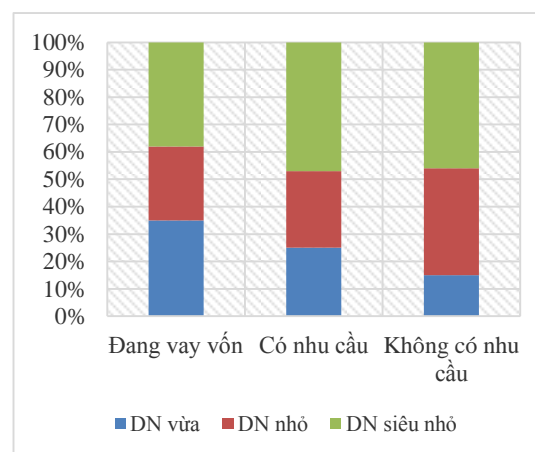
| Quy mô vốn (tỷ) | Năm 2020 | | Năm 2021 | | So với 2020 |
|-----------------|----------|----------|----------|----------|-------------|
| | Số DN | Tỷ trọng | Số DN | Tỷ trọng | |
| 0-10 | 118.456 | 89,5% | 110.214 | 89,1% | -0,4% |
| 10-20 | 8.005 | 6,05% | 7.091 | 5,7% | -0,3% |
| 20-50 | 4.011 | 3,03% | 5.211 | 4,2% | 1,2% |
| 50-100 | 1.856 | 1,40% | 1.123 | 0,9% | -0,5% |

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, 2021

Xét theo quy mô vốn, năm 2021, số lượng DN có quy mô vốn từ 0 đến 10 tỷ đồng chiếm 89,14%, DN có vốn đăng ký từ 50 tỷ đến 100 tỷ chỉ chiếm 0,91%, giảm 0,5% so với năm 2020. Với những khó khăn mang tính đặc thù của các DNNVV trong tiếp cận vốn vay trên thị trường, CMCN 4.0 được xem là cơ hội tác động cả phía cung và cầu. Mặc dù vậy, theo báo cáo của Bộ Công Thương (2020) có đến 66% DNNVV đã ứng dụng công nghệ số trước năm 2020. Sự bùng phát của dịch bệnh trong năm 2021 khiến nhiều doanh nghiệp bắt đầu chuyển đổi số dần. Điều này cũng khiến các DNNVV dễ dàng tiếp cận tới những kênh huy động vốn phi truyền thống.

Theo số liệu thống kê cho thấy vẫn còn các doanh nghiệp phản ánh gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn. Thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2020 cho thấy khả năng tiếp cận tín dụng của DNNVV qua hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) còn hạn chế. Có

đến 60% DNNVV hiện chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ngân hàng, đặc biệt là khối doanh nghiệp khởi nghiệp, không có vốn, tài sản thế chấp. Trong đó, hơn 30% DNNVV không thể tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và 30% doanh nghiệp khác cho biết rất khó tiếp cận nguồn vốn này. Phần lớn các DNNVV còn lại phải tiếp tục sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay từ nguồn vốn khác với chi phí rất cao, nhiều rủi ro.



Hình 1. Nhu cầu vay vốn ngân hàng của DNNVV

Bảng 3. Dư nợ cho vay của các NHTM cho DNNVV năm 2021

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 |
|-------------------------------|-------|-------|-------|
| Dư nợ tín dụng DNNVV | 1.234 | 1.630 | 1.822 |
| Tổng dư nợ tín dụng | 7.250 | 8.217 | 9.546 |
| Tỷ trọng dư nợ tín dụng DNNVV | 17,0% | 19,8% | 19,1% |

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của NHNN giai đoạn 2019-2021

Đánh giá trên góc độ cung ứng vốn cho DNNVV, trong dư nợ cho vay của các NHTM cho DNNVV trong năm 2021 đạt mức thấp trong tổng dư nợ tín dụng. Mặc dù dư nợ cho vay DNNVV có cải thiện so với giai đoạn năm 2020 nhưng sụt giảm nhẹ so với năm 2019. Nguyên nhân có thể do ảnh hưởng của dịch bệnh trong năm 2021. Về phía ngân hàng, các gói tín dụng với chính sách ưu đãi dành cho DNNVV luôn được đưa ra nhằm hỗ trợ doanh nghiệp (Lương Minh Huân và

cộng sự, 2020).

Lãi suất vay ngắn hạn được duy trì ở mức thấp từ 4% đến 6,5%. Tuy nhiên, thực trạng tỷ trọng dư nợ thấp cho thấy cung và cầu về tín dụng giữa ngân hàng và DNNVV chưa có sự phù hợp

3.2. Tiếp cận vốn từ các nền tảng trực tuyến

▪ *Tài trợ chuỗi cung ứng tài chính - SCF:* Sản phẩm SCF tại Việt Nam được cung ứng chủ yếu bởi các ngân hàng, đây được xem là một sản phẩm tín dụng thế chấp (bằng khoản phải thu và hàng tồn kho - chủ yếu là hoạt động bao thanh toán).

Các sản phẩm SCF ít có khả năng chuyển thành nợ xấu do tận dụng DN cốt lõi và yếu tố chuỗi. Tuy nhiên, thực tế không nhiều ngân hàng tham gia cung ứng sản phẩm này. Một số ngân hàng lớn như Vietcombank, Vietinbank mới triển khai sản phẩm SCF.

Bảng 4. Một số sản phẩm SCF tại ngân hàng

| STT | Ngân hàng | Sản phẩm | Khách hàng chính | Năm triển khai |
|-----|-------------|--|---|----------------|
| 1 | Vietinbank | Bao thanh toán và tài trợ chuỗi cung ứng | Doanh nghiệp lớn | 2019 |
| 2 | Techcombank | Chuỗi cung ứng | Đại lý, nhà phân phối hàng hóa của các doanh nghiệp | N/A |
| 3 | Vietcombank | Bao thanh toán và tài trợ chuỗi cung ứng | Doanh nghiệp | 2020 |
| 4 | OCB | Tài trợ chuỗi cung ứng | DNNVV | 2019 |

Nguồn: Tổng hợp báo cáo các NHTM

Kết quả khảo sát của PWC (2018/2019) cho thấy khách hàng của chuỗi cung ứng tài chính tại Việt Nam chủ yếu là các tập đoàn lớn và đang mở rộng với nhóm doanh nghiệp có quy mô vừa. Như vậy, có thể thấy các DNNVV hiện nay chưa có nhiều cơ hội được tiếp cận với các chuỗi cung ứng tài chính được cung cấp bởi các ngân hàng. Hoạt động SCF tại các công ty tài chính còn hạn chế, chủ yếu các

công ty tài chính thuộc nhóm tài chính cá nhân. Số lượng công ty tài chính thương mại rất ít. Trong một năm trở lại đây, một số tổ chức tài chính nước ngoài đã tham gia vào hệ sinh thái SCF và mở ra cơ hội tiếp cận vốn cho DNNVV. Với lợi thế về thời gian và thủ tục đơn giản, hoạt động cung ứng vốn của các công ty này đang thu hút được sự quan tâm của các DNNVV Việt Nam.

Bảng 5. Một số nền tảng cung ứng vốn trực tuyến (SFC) tại Việt Nam hiện nay

| Nền tảng cung ứng vốn | Cấp phép | Đặc điểm |
|-----------------------|-----------|--|
| Validus Vietnam | Singapore | - Chương trình hoàn toàn tín chấp được phê duyệt hạn mức trước - Tăng cường nguồn vốn cho doanh nghiệp nhanh chóng - Hạn mức vay cao (lên tới 80% giá trị hóa đơn mua bán) - Quá trình phê duyệt nhanh và đơn giản, chỉ trong 48 tiếng đầu. |
| Stenn | Anh | - Đăng ký trên Stenn.com - Tải các hóa đơn lên trang web để định giá - Nhận tiền trong vòng 48 giờ sau khi hợp đồng được ký. |
| Velotrade | Hong Kong | - Tài trợ vốn chỉ trong vòng vài giờ - Khách hàng không bị ràng buộc bởi một hợp đồng dài hạn - Thủ tục đăng ký và thẩm định đơn giản: không yêu cầu sổ cái - Có thể giao dịch bằng nhiều loại tiền tệ - Có thể tài trợ toàn bộ hoá đơn - Chi phí hợp lý và không phí ẩn. |

Nguồn: Tổng hợp

▪ Huy động vốn cộng đồng - Crowdfunding

Huy động vốn cộng đồng ở Việt Nam chưa được phổ biến do ảnh hưởng của thói quen đầu tư dựa trên các mối quan hệ hơn là những người xa lạ. Thêm vào đó là sự hạn chế của các giao dịch online cùng hành lang pháp lý chưa đầy đủ khiến huy động vốn cộng đồng chưa thực sự được đón nhận, chủ yếu là tập trung tài trợ các dự án Start-up do tính phù hợp nhu cầu của cộng đồng trong loại hình huy động vốn này.

IG9 là nền tảng huy động vốn cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam ra đời vào năm 2013 và đã huy động vốn thành công cho 40 dự án với quy mô từ 7 đến 15 triệu đồng cho một dự án. Tuy nhiên IG9 đã dừng hoạt động ngay trong năm đó. Một số nền tảng khác như Comicola (2014), FirstStep (2015) (đã dừng hoạt động năm 2016), Betado (2015), Fundstart (2015)... Mỗi dự án được gọi vốn cộng đồng thường được thực hiện với thời gian rất ngắn từ 45 đến 60 ngày và tiềm ẩn rủi ro về mặt pháp lý khi tranh chấp xảy ra giữa các nhà đầu tư và doanh nghiệp gọi vốn. Do đặc điểm về nhu cầu vốn cho hoạt động sản

xuất kinh doanh, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ có thể tiếp cận vốn với chi phí thấp hơn các sản phẩm vay truyền thống. Tuy vậy, hiện huy động vốn cộng đồng chủ yếu tài trợ cho các dự án khởi nghiệp với mô hình huy động vốn cộng đồng thông qua quà tặng (hình thức này còn gọi là pre-sale) và lượng vốn huy động vẫn còn rất khiêm tốn (Lương Thị Thu Hằng, 2019).

▪ Cho vay ngang hàng - P2P lending

Hiện nay, P2P lending được đánh giá là ngày càng trở nên phổ biến tại Việt Nam bởi nhu cầu vay vốn ngày càng lớn mà hình thức cho vay ngang hàng lại vô cùng tiện lợi. Tuy nhiên, hiện chỉ có hơn 40 công ty P2P Lending đang hoạt động tại Việt Nam. Theo các chuyên gia, thì đây là con số khá khiêm tốn so với tiềm năng tại Việt Nam (Nguyễn Mạnh Hùng và Tạ Thu Hồng Nhung, 2020). Đặc điểm của cho vay ngang hàng là các điều kiện vay vốn đơn giản hơn nhưng lãi suất đưa ra cao hơn so với hệ thống ngân hàng. lãi suất cho vay thông qua cho vay ngang hàng ở mức 16%-17%/năm chưa bao gồm các khoản chi phí khác trong khi lãi suất các gói ưu đãi cho

DNNVV của ngân hàng khoảng từ 4% - 7,5%. Mặc dù có sự chênh lệch lớn nhưng do khoảng thời gian sử dụng vốn ngắn nên nhiều doanh nghiệp có thể chấp nhận để giải quyết nhu cầu vốn ngắn hạn. Đối tượng khách hàng

mà P2P lending hướng tới là cá nhân và DNNVV cần giải ngân nhanh chóng các khoản vốn nhưng không đủ điều kiện vay vốn hoặc không chứng minh được tình trạng tài chính theo yêu cầu của ngân hàng.

Bảng 3.6. Top 5 nền tảng cho vay ngang hàng tại Việt Nam hiện nay

| STT | Nền tảng P2P lending | Đối tượng khách hàng | Số tiền ban đầu gia nhập | Trụ sở |
|-----|----------------------|--|--------------------------|-----------------|
| 1 | Lendbiz | Khách hàng hộ kinh doanh và DNNVV | 2 triệu đồng | TP. Hà Nội |
| 2 | Eloan | Khách hàng hộ kinh doanh và DNNVV | 1 triệu đồng | TP. Hồ Chí Minh |
| 3 | Vaymuon | Khách hàng vay tiêu dùng, hộ kinh doanh và DNNVV | 1 triệu đồng | TP. Hà Nội |
| 4 | Vnvn | Khách hàng vay tiêu dùng, hộ kinh doanh và DNNVV | 10 triệu đồng | TP. Hà Nội |
| 5 | Huydong | Doanh nghiệp có vốn tối đa 2 tỷ đồng | 500 nghìn đồng | TP. Hồ Chí Minh |

Nguồn: lender.vn (2021)

4. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ 4.0

Kết quả đạt được

Cuộc Cách mạng 4.0 tạo nên nhiều sân chơi mới về vốn cho các DNNVV, mở ra nhiều kênh gọi vốn giúp các DNNVV chủ động trong việc gọi vốn để hoạt động kinh doanh.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến cuối năm 2021, tín dụng đối với lĩnh vực DNNVV đạt trên 2,1 triệu tỷ đồng, tăng 7,2% so với cuối năm 2020. Theo số liệu báo cáo từ các tổ chức tín dụng, tín dụng đối với lĩnh vực DNNVV đạt trên 1,6 triệu tỷ đồng, tăng 5,32% so với cùng kỳ năm 2020.

Bên cạnh đó, trong năm 2021 các DNNVV ở Việt Nam đã được hỗ trợ bởi chương trình tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP) của IFC. IFC đã thúc đẩy các hoạt động tài trợ thương mại và tài trợ chuỗi cung ứng, nhằm hỗ trợ các

doanh nghiệp Việt Nam, nhất là DNNVV nâng cao năng lực đảm bảo rủi ro thanh toán.

Ngoài ra, các DNNVV đã có thể tiếp cận vốn thông qua hình thức cho vay ngang hàng P2P lending. P2P lending có khả năng hỗ trợ thẩm định, phê duyệt hồ sơ nhanh chóng, đáp ứng vốn lên đến 1 tỷ đồng, thời hạn linh hoạt từ 10-90 ngày, đảm bảo nguồn vốn lưu động kịp thời cho doanh nghiệp.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Trí Hiếu "Tại Việt Nam mặc dù hoạt động P2P Lending chưa có chính sách cụ thể nhưng cũng đã phát triển khá mạnh mẽ, có tới khoảng 50 công ty Fintech đang có hoạt động P2P Lending. Đây cũng là một kênh tài chính mới mở có thể hỗ trợ DNNVV tìm kiếm nguồn vốn để hoạt động sản xuất, kinh doanh".

Khó khăn, vướng mắc

Từ thực trạng nhu cầu vốn của DNNVV cũng như khả năng cung ứng vốn qua các kênh truyền thống và phi truyền thống hiện nay, có thể thấy DNNVV đang gặp khá nhiều khó

khẩn khi tiếp cận vốn vay ngân hàng. Có thể kể đến như khó khăn về thủ tục vay, chứng minh tài chính, tài sản đảm bảo không đáp ứng được yêu cầu của các ngân hàng. Tuy nhiên, với sự phát triển của CMCN 4.0, nhiều hình thức cho vay trực tuyến với quy mô khoản vay nhỏ và sử dụng tài sản đảm bảo linh hoạt đã mở ra kênh huy động vốn mới cho DNNVV. Các mô hình cho vay dựa trên các nền tảng công nghệ được đánh giá còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho DNNVV cũng như hệ thống tín dụng chung của nền kinh tế.

Thực tế các DNNVV gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn lưu động. Một số khảo sát cho thấy 70% nhóm doanh nghiệp này phải sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay các nguồn không chính thức với chi phí rất cao. Nguyên nhân được đưa ra khá phổ biến hiện nay là các doanh nghiệp này không có nhiều tài sản thế chấp, hồ sơ vay vốn không đạt yêu cầu của ngân hàng do quản lý sổ sách, báo cáo tài chính không rõ ràng.

Trong buổi tọa đàm của Ngân hàng Nhà nước, ông Tô Huy Vũ - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế nhìn nhận, dù có sự phát triển sôi động, nhưng trên thực tế, các công ty Fintech vẫn đang hoạt động trong một môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, trong khi hoạt động của các công ty Fintech đều gắn với lĩnh vực hoạt động kinh doanh có điều kiện là hoạt động tài chính - ngân hàng. Điều này tiềm ẩn rủi ro với tất cả các bên liên quan, từ doanh nghiệp, đối tác đến cơ quan quản lý.

5. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DNNVV TIẾP CẬN VỐN TRONG ĐIỀU KIỆN CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ 4.0

CMCN 4.0 đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, với tốc độ lan tỏa nhanh và không thể đảo ngược, Việt Nam không thể đứng ngoài xu hướng này. Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, để DNNVV Việt Nam tận dụng

tối đa những cơ hội từ cuộc CMCN 4.0, đòi hỏi phải thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp từ các nhà ban hành chính sách và quan trọng hơn là từ chính bản thân các doanh nghiệp.

Thứ nhất, Chính phủ và Bộ Tài chính cần sớm ban hành các quy định hướng dẫn chi tiết hoạt động cung ứng vốn qua các kênh như tài trợ chuỗi cung ứng hay cho vay ngang hàng. Mặc dù đang trong lộ trình thử nghiệm Sandbox cho hoạt động Fintech của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các công ty Fintech (đặc biệt là công ty P2P lending) hiện đang phát triển mạnh vì nhu cầu vay tín chấp của DNNVV ngày càng cao. Hoạt động của các công ty P2P lending có thể biến tướng theo nhiều hình thức khác nhau dẫn tới những thiệt hại nhất định cho các thành phần kinh tế. Các quy định cần tập trung vào hình thức hoạt động, quy định về mức lãi suất, cách thức quản lý tài sản bảo đảm là hàng tồn kho và các khoản phải thu...

Thứ hai, đối với hoạt động Chuỗi cung ứng tài chính- SCF, cơ quan quản lý cần tạo điều kiện thúc đẩy các chương trình SCF như một phần của hoạt động tín dụng. Khuyến khích các ngân hàng và công ty tài chính thương mại tham gia hoạt động này. Bộ Tài chính cũng cần ban hành quy định cụ thể cho hoạt động SCF nhằm khuyến khích các quỹ đầu tư và công ty tài chính tham gia với vai trò nhà cung ứng SCF. Xây dựng hệ sinh thái SCF theo đúng chuẩn mực quốc tế bao gồm các chủ thể tham gia, đặc biệt là nhóm thành viên Cộng đồng như các Hiệp hội SCF thường xuyên tương tác với các thành viên khác của hệ sinh thái.

Thứ ba, sự phát triển của hoạt động Gọi vốn cộng đồng trong thời gian qua giúp nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp huy động vốn thành công từ xã hội. Do vậy, Chính phủ cũng

như Bộ Tài chính cần xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, quy định trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ để hạn chế rủi ro cho người góp vốn. Hoạt động Gọi vốn cộng đồng cần được ghi nhận như một ngành nghề, có sự quản lý của Nhà nước. Việc thiết lập cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động sẽ đem lại lợi ích như tạo sự an tâm cho người góp vốn, chuyên nghiệp và giảm thiểu các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động gọi vốn cộng đồng.

Thứ tư, đối với các công ty Fintech - đơn vị cung cấp dịch vụ ứng dụng nền tảng cho vay dựa trên công nghệ cần xây dựng được đội ngũ nhân viên giỏi công nghệ, giỏi tài chính và giỏi marketing. Trong giai đoạn đầu phát triển, các công ty Fintech có thể lựa chọn phương án kết nối với ngân hàng để cùng đưa ra các sản phẩm cung ứng vốn cho DNNVV. Sự kết hợp này sẽ giúp các công ty tài chính giảm thiểu được rủi ro về đánh giá rủi ro tín dụng khách hàng (vốn là nghiệp vụ của các ngân hàng) và giảm thiểu thời gian xử lý hồ sơ, giải quyết các khoản vay một cách nhanh chóng.

Thứ năm, đối với người gọi vốn DNNVV, cần minh bạch thông tin và đảm bảo cung cấp thông tin về các khoản phải thu, hàng tồn kho cũng như thông tin dự án đầy đủ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ. DNNVV cũng cần lựa chọn những phương thức huy động vốn qua nền tảng công nghệ phù hợp với mục tiêu và khả năng hoàn trả các khoản nợ của mình. Đặc biệt, trong bối cảnh khung pháp lý cho các hoạt động này chưa hoàn thiện, việc lựa chọn các nền tảng cung ứng vốn uy tín có

kinh nghiệm là cần thiết, nhất là khi doanh nghiệp cần vốn và chấp nhận những khoản vay với lãi suất cao hơn so với kênh tín dụng truyền thống.

Thứ sáu, đối với nhà tài trợ vốn/nhà đầu tư, cần tìm hiểu thông tin chi tiết về người gọi vốn hoặc các nền tảng gọi vốn dự định tham gia. Các kênh huy động vốn thông qua P2P lending hoặc huy động vốn cộng đồng hiện đang phát triển mạnh và chưa có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý. Do đó, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ các hợp đồng góp vốn để nắm rõ quyền lợi của mình khi đầu tư cũng như trách nhiệm của các công ty tài chính khi gọi vốn.

6. KẾT LUẬN

DNNVV ở Việt Nam hiện nay ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, trên thực tế DNNVV vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cuộc CMCN 4.0 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến từng kênh huy động vốn của từng doanh nghiệp, do đó các doanh nghiệp cần có những chiến lược tiếp cận cho phù hợp, chuyển dịch nguồn vốn hợp lý, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, điều chỉnh mô hình kinh doanh để định vị mình trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bằng việc ứng dụng công nghệ số và trong xu thế hiện nay doanh nghiệp nào biết tận dụng công nghiệp 4.0 tốt hơn doanh nghiệp đó sẽ thành công. Hy vọng trong thời gian tới cùng với hỗ trợ từ Chính phủ, các bộ ban ngành, Hiệp hội SCF, các công ty Fintech sẽ giúp các DNNVV sẽ thuận lợi trong việc tiếp cận vốn, mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh doanh với các đối tác nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội (2017), Luật số 04/2017/QH14, (2017). Luật Hỗ trợ DNNVV.

- [2] Đoàn Thị Thu Trang (2021), Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của DNNVV trong bối cảnh dịch Covid-19, Khóa luận tốt nghiệp.
- [3] Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, (2021). Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 12/2020.
- [4] Lương Minh Huân và cộng sự (2020), Chuyển đổi số: Giải pháp giúp doanh nghiệp vượt qua đại dịch Covid-19 và phát triển.
- [5] IFC (2020), Tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam, Hội nghị APEC- APFF- FIND, ngày 24/10/2021.
- [6] UNDP và Bộ Công Thương (2019), Đánh giá sự sẵn sàng tiếp cận cuộc CMCN 4.0, ngày 19/11/2021.
- [7] Lương Thị Thu Hằng (2019). Crowd Funding xu hướng tài trợ mới cho các DNNVV ở Việt Nam hiện nay, ngày 24/10/2021.
- [8] Nguyễn Mạnh Hùng và Tạ Thu Hồng Nhung (2020). Thực trạng hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam, ngày 24/10/2021.

Thông tin liên hệ: **Đoàn Phương Ngân**

Điện thoại: 0948189082 - Email: dpngan@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

